

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH ĐỒNG NAI Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **158/2020/DS-PT**

Ngày: 22-9-2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thảo.

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu.

Bà Phan Thị Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Phan Quốc Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 159/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2020/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 280/2020/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1963. (có mặt)

2. Bà Phan Thị T, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ thường trú: Ấp Cây Diệp, xã C, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: 547, tổ 14A, khu phố 2, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H và bà T (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019): Ông Trần Văn T, sinh năm: 1991; Địa chỉ: 92, đường Nguyễn Ái Quốc, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Trần Văn B, sinh năm 1938. (có mặt)

Địa chỉ: 303, tổ 5, khu 1, ấp 3, phường A (nay là khu phố 3, phường A), thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông B: Ông Thái Xuân Tr – Luật sư Văn phòng luật sư Thái Tr thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1972. (vắng mặt)

Địa chỉ: 9E/12, tổ 32, khu phố 3, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T:

Trước ngày 25/9/2015, ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Minh H đã vay của ông H và bà T 04 lần tiền, đến ngày 25/9/2015 hai bên thống nhất viết lại giấy vay nợ là 1.000.000.000 đồng, theo ông B và bà H nói thì mục đích vay tiền là để mua nhà và để làm chi phí tranh chấp đất đai, lãi suất hai bên thỏa thuận theo ngân hàng, thời hạn vay là 01 tháng và có viết giấy vay tiền. Hết thời hạn vay, ông B và bà H không trả lãi lẫn gốc cho ông H và bà T với lý do là đang gặp khó khăn về kinh tế. Đến ngày 26/9/2016, cả hai viết giấy cam kết xin gia hạn trả gốc lãi vào ngày 26/10/2016, tuy nhiên khi hết thời hạn gia hạn, cả hai lại tìm mọi cách né tránh và đến cuối năm 2016, ông B bỏ đi khỏi địa phương không để lại tin tức, đến khoảng tháng 10/2018 bà H cũng bỏ đi khỏi địa phương cho đến nay. Do vậy, ông H đã thay mặt bà T làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông B, bà H và được Tòa án nhân dân thành phố B giải quyết lần lượt bằng các Quyết định số 42/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định số 43/2019/QĐST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2019.

Nay ông H và bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B và bà Hoa phải trả cho ông H và bà T số tiền nợ gốc đã vay là 1.000.000.000 đồng và lãi của số tiền 1.000.000.000 đồng theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện 21/02/2019 tính tròn là 41 tháng, thành tiền là 410.000.000đ ($1.000.000.000 \text{ đồng} \times 41 \text{ tháng} \times 1\%/\text{tháng} = 410.000.000 \text{ đồng}$). Ông H và bà T không yêu cầu ông B và bà H phải trả khoản tiền lãi từ sau ngày nộp đơn khởi kiện (22/02/2019) cho đến ngày xét xử sơ thẩm, ngoài ra cả hai cũng không yêu cầu gì thêm và không còn tài liệu, chứng cứ nào nộp cho Tòa án.

- Theo lời trình bày của ông Trần Văn B tại biên bản làm việc vào ngày 18/02/2020 cũng như tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông và bà Nguyễn Thị Minh H chung sống với nhau như vợ chồng và có 02 con chung nhưng không có đăng ký kết hôn. Vào năm 2018, bà H đã dẫn 02 con bỏ đi khỏi địa phương và hiện nay ông cũng không biết bà H đang ở đâu. Ông thừa nhận vào năm 2015 có cùng bà H vay tiền của ông H và bà T để dùng vào việc đặt cọc mua nhà, chữ ký tên trong giấy mượn tiền ngày 25/9/2015 và chữ ký tên cùng dấu lấn tay trong giấy cam kết trả nợ ngày 26/9/2016 đúng là của ông. Tuy nhiên, ông xác định ông và bà H chỉ vay của ông H và bà T số tiền 272.000.000 đồng để cùng sử dụng cho việc đặt cọc mua nhà, việc ông ký giấy vay số tiền 1.000.000.000 đồng và ký giấy cam kết trả số tiền 1.000.000.000 đồng cùng với lãi suất trong thời hạn một tháng là do bị ông H và bà T gây áp lực. Do trên thực tế ông chỉ vay của ông H và bà T số tiền 272.000.000 đồng nên nay ông chỉ đồng ý trả cho ông H và bà T số tiền 272.000.000 đồng và xin không trả lãi. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì thêm và không còn tài liệu chứng cứ nào nộp cho Tòa án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai đã áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 184, 203, khoản 1 Điều 207, Điều 220, 228, 238, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị

quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T.

Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Minh H có trách nhiệm trả cho ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T tổng số tiền 1.410.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm mười triệu đồng*), trong đó tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi là 410.000.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu đồng*).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/4/2020, ông Trần Văn B có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể là chỉ buộc ông và bà Nguyễn Thị Minh H phải trả cho ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T số tiền gốc đã vay là 272.000.000 đồng.

Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B: Trên thực tế hoàn toàn không có việc ông B và bà H vay của ông H và bà T số tiền 1.000.000.000 đồng để mua nhà. Cả hai chỉ vay số tiền 272.000.000 đồng để đặt cọc mua nhà và sau đó do vi phạm thời hạn thanh toán nên đã bị mất hết tiền đặt cọc. Hiện tại bà H đã dẫn các con bỏ đi khỏi địa phương, ông B già yếu không còn sức khỏe lao động và không có thu nhập từ các khoản nào khác. Do vậy, mặc dù không có chứng cứ chứng minh việc ông B và bà H bị ông H và bà T gây áp lực, buộc cả hai phải viết giấy vay số tiền 1.000.000.000 đồng cũng như ký giấy cam kết trả nợ, nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên diễn biến thực tế vụ việc, chấp nhận kháng cáo của ông B.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Qua các chứng cứ thể hiện tại hồ sơ nhận thấy có căn cứ xác định ông B và bà H đã vay của ông H và bà T số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 25/9/2015 và cho đến nay vẫn chưa trả gốc lẫn lãi. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông B và bà H phải trả cho ông H và bà T số tiền gốc vay là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 25/9/2015 cho đến ngày nộp đơn khởi kiện 21/02/2019 (tính tròn 41 tháng) với số tiền 410.000.000 đồng là đúng với quy định của pháp luật và có lợi cho Bình và bà H. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông B, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trần Văn B trong hạn luật định và ông B cũng có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đầy đủ, đúng quy định pháp luật.

[3]Về nội dung kháng cáo:Căn cứ theo giấy mượn tiền ngày 25/9/2015, giấy cam kết trả nợ ngày 26/9/2016 và biên bản làm việc do Tòa án nhân dân thành phố B lập với ông Trần Văn B vào ngày 18/02/2020 cũng như lời trình bày của ông B tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy có đủ cơ sở xác định vào ngày 25/9/2015, ông B và bà Nguyễn Thị Minh H có vay của ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T số tiền 1.000.000.000 đồng. Mặc dù ông B khẳng định chỉ cùng bà H vay của ông H và bà T số tiền 272.000.000 đồng, nhưng ngoài lời khai thì ông B không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã niêm yết các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp nhưng bà H không có ý kiến phản hồi và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện sự phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 471, 474, 476, 478 Bộ luật Dân sự năm 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và bà T, buộc ông B và bà H phải có trách nhiệm trả cho ông H và bà T số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và lãi suất 1%/tháng của số tiền trên từ ngày 25/9/2015 đến ngày 21/02/2019 (tính tròn 41 tháng kể từ ngày nộp đơn khởi kiện) với số tiền 410.000.000 đồng (1.000.000.000 đồng x 41 tháng x 1%/tháng) là đã đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật và có lợi cho ông B và bà H. Tuy nhiên, do ông B và bà H không phải là vợ chồng hợp pháp, đồng thời tại phiên tòa ông B cũng xác định toàn bộ số tiền vay của ông H và bà T được ông B và bà H sử dụng chung nên cần sửa bản án sơ thẩm về cách tuyên là buộc ông B và bà H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H và bà T số tiền gốc 1.000.000.000 đồng và số tiền lãi 410.000.000 đồng.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc ông B và bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 54.300.000 đồng là đúng quy định (do ông B không có đơn đề nghị miễn nộp tiền án phí được quy định đối với người cao tuổi). Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông B có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi và được Hội đồng xét xử chấp nhận nên sửa bản án dân sự sơ thẩm về phần án phí, cụ thể là miễn cho ông B toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm, riêng bà H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 27.150.000 đồng.

[5]Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông B được miễn theo quy định do có đơn đề nghị.

[6]Phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7]Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Văn B.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2020/DS-ST ngày 27/3/2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai về cách tuyên và về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 471, 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429, 468, 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm có hiệu lực ngày 15/3/2019;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T.

2. Buộc ông Trần Văn B và bà Nguyễn Thị Minh H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T số tiền 1.410.000.000 đồng (*Một tỷ bốn trăm mười triệu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*) và tiền lãi là 410.000.000 đồng (*Bốn trăm mười triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Miễn cho ông Trần Văn B, riêng bà Nguyễn Thị Minh H phải chịu 27.150.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*). Hoàn trả cho ông Phạm Thanh H và bà Phan Thị T số tiền 27.150.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0004100 ngày 26/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn cho ông Trần Văn B.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND TP.B;
- Chi cục THADS TP.B;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thảo